

BỘ XÂY DỰNG
Số: 497/BXD-GĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế lập, thẩm định và
xét duyệt thiết kế công trình xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế công trình xây dựng. Bản Quy chế này thay thế cho Quy chế lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 536/BXD-GĐ ngày 14/12/1994 của Bộ Xây dựng.

Điều 2.- Quyết định này được thực hiện thống nhất trong cả nước và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3.- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

BỘ XÂY DỰNG

Ngô Xuân Lộc

(Đã Ký)

QUY CHẾ

LẬP, THẨM ĐỊNH, XÉT DUYỆT THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 497/BXD/GĐ ngày 18/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Quy chế này quy định nội dung, trình tự các bước thiết kế; trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn xây dựng, cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý xây dựng của các Bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác lập, thẩm định, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng thuộc mọi nguồn vốn nhằm thực hiện quản lý thống nhất trong cả nước. Tất cả các công trình xây dựng đều phải được tổ chức lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế theo đúng quy định của Quy chế này.

Nội dung lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế các công trình có vốn đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam có quy định riêng.

Điều 2.- Trình tự thiết kế: Tùy theo tính chất kỹ thuật phức tạp của công trình mà thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước theo văn bản quyết định đầu tư.

Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, xây dựng ở điều kiện địa chất công trình và môi trường phức tạp, đòi hỏi phải xử lý nền hoặc có giải pháp móng, kết cấu chịu lực chính phức tạp thì phải thiết kế hai bước: thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

Đối với công trình có kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu, xử lý nền móng không phức tạp thì được thiết kế một bước: thiết kế kỹ thuật thi công.

Điều 3.- Căn cứ để thiết kế công trình:

- Dự án đầu tư được duyệt;
- Các tài liệu khảo sát kỹ thuật xây dựng, điều tra cơ bản, điều tra kinh tế xã hội do tổ chức chuyên môn có tư cách pháp nhân lập;
- Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, các định mức đơn giá, thiết kế mẫu được Nhà nước ban hành.

Trường hợp áp dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài thì phải được Bộ Xây dựng chấp thuận.

Điều 4.- Công tác khảo sát xây dựng: nội dung, khối lượng khảo sát xây dựng phải phù hợp với yêu cầu từng bước thiết kế và đặc điểm công trình. Tổ chức thiết kế có trách nhiệm đề ra yêu cầu khảo sát. Tổ chức khảo sát chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chất lượng tài liệu khảo sát đã làm trước chủ đầu tư và pháp luật.

Điều 5.- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán kèm theo thiết kế công trình phải do tổ chức tư vấn xây dựng, có tư cách pháp nhân và có chứng chỉ hành nghề thiết kế lập. Tổ chức tư vấn xây dựng lập thiết kế phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng tài liệu thiết kế theo phân cấp công trình do mình lập trước chủ đầu tư và pháp luật.

Điều 6.- Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế chỉ phê duyệt sau khi thiết kế đã được cơ quan chuyên môn thẩm định thiết kế, cơ quan quản lý xây dựng trực thuộc thẩm định tổng dự toán, và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý thẩm định thiết kế và tổng dự toán phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước cấp phê duyệt thiết kế phần việc mình thực hiện.

Điều 7.- Các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành giao thông, thủy lợi, hầm mỏ, đường dây tải điện và trạm biến thế, dầu khí, bưu điện, nông lâm nghiệp, căn cứ Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định tại Quy chế này để có văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung lập thiết kế công trình thuộc chuyên ngành cho phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng chuyên ngành. Các văn bản hướng dẫn này phải được sự thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi ban hành.

Chương 2:

LẬP THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 8.- Nội dung thiết kế kỹ thuật.

1. Phần thuyết minh:

1.1. Thuyết minh tổng quát.

- Căn cứ và cơ sở lập thiết kế kỹ thuật;
- Nội dung chủ yếu của quyết định đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước) hoặc giấy phép đầu tư (đối với dự án không sử dụng vốn nhà nước).
- Danh mục quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, thiết kế mẫu được sử dụng;
- Tóm tắt nội dung thiết kế được chọn và các phương án thiết kế so sánh (quy hoạch, kiến trúc, nền móng, kết cấu...);
- Các thông số và chỉ tiêu cần đạt được của công trình theo phương án được chọn.

1.2. Tài liệu, thuyết minh về điều kiện tự nhiên và kỹ thuật chi phối thiết kế.

- Địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thủy văn, khí tượng và động đất ở khu vực xây dựng;
- Tác động của môi trường;
- Khảo sát, đánh giá hiện trạng chất lượng công trình (đối với công trình cũ cần sửa chữa, cải tạo);
- Các tài liệu khác.

1.3. Những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Năng lực, công suất thiết kế và các thông số của công trình; - Phương án, danh mục, chất lượng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm;
- Những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả đầu tư của phương án.

1.4. Công nghệ, thiết bị:

- Dây chuyền công nghệ sản xuất, công năng sử dụng;
- Tính toán và lựa chọn thiết bị (chủng loại, nhãn hiệu, đặc tính kỹ thuật, nước và năm sản xuất...);

- Biện pháp an toàn lao động, an toàn sản xuất, phòng nổ, chống cháy, chống độc hại, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.5. Giải pháp kiến trúc, xây dựng:

- Tổng mặt bằng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng của công trình;

- Giải pháp về kiến trúc;

- Giải pháp kỹ thuật xây dựng: kết cấu chịu lực chính, nền, móng, có bản tính kèm theo nêu rõ phương pháp và kết quả tính toán (sơ đồ tính, diễn giải xác định tải trọng, kết quả nội lực, kết quả tính toán tiết diện, chuyển vị, biến dạng của cấu kiện, độ lún dự báo...);

- Trang thiết bị nội thất;

- Các hệ thống công trình kỹ thuật: cấp điện, cấp nhiệt, cấp hơi, cấp dầu, cấp nước, thoát nước, thông gió, chiếu sáng, âm thanh, thông tin tín hiệu, báo cháy và chữa cháy, điều khiển tự động, có bản tính kèm theo nêu rõ phương pháp và kết quả tính toán;

- Tổ chức giao thông và thiết bị vận tải;

- Xây dựng bên ngoài (trồng cây xanh, sân, đường, vỉa hè, chiếu sáng);

- Tổng hợp khối lượng các công tác xây lắp chủ yếu, vật tư chính và thiết bị công nghệ của từng hạng mục công trình và của toàn bộ công trình; so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các phương án thiết kế.

1.6. Thiết kế tổ chức xây dựng:

Các chỉ dẫn chính về biện pháp thi công để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, thiết kế và an toàn trong quá trình xây dựng.

2. Phần bản vẽ:

2.1. Hiện trạng của mặt bằng (tuyến) và vị trí trên bản đồ của công trình được thiết kế;

2.2. Tổng mặt bằng bố trí chi tiết các hạng mục công trình;

2.3. Chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng (san nền, thoát nước mưa) và các công trình kỹ thuật hạ tầng ngoài nhà: đường, cấp điện, cấp nước, thải nước, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường;

2.4. Dây chuyền công nghệ;

2.5. Mặt bằng kiến trúc các tầng, các mặt cắt ngang và mặt cắt dọc chính, các mặt đứng của các hạng mục công trình;

2.6. Bố trí trang thiết bị;

2.7. Chi tiết các kết cấu chịu lực chính (nền, móng, thân, mái...) và các bộ phận có cấu tạo phức tạp;

2.8. Trang trí nội thất;

2.9. Phối cảnh toàn bộ công trình;

2.10. Các hệ thống công trình kỹ thuật bên trong nhà: cấp điện, cấp nước, thải nước, thông gió, chiếu sáng, âm thanh, điều hoà nhiệt, thông tin, báo cháy và chữa cháy tức thời;

2.11. Lối thoát nạn và giải pháp chống cháy nổ công trình;

2.12. Xây dựng bên ngoài (hàng rào, cây xanh, sân, đường, chiếu sáng, biển báo);

2.13. Tổng mặt bằng tổ chức xây dựng và mặt bằng thi công các hạng mục đặc biệt;

2.14. Mô hình toàn bộ công trình hoặc từng bộ phận công trình (theo yêu cầu riêng của chủ đầu tư).

3. Phần tổng dự toán:

- Các căn cứ và cơ sở để lập tổng dự toán;

- Tài liệu diễn giải và tổng hợp khối lượng xây lắp công trình (tiền lượng);

- Tổng dự toán được lập theo khối lượng xây lắp công trình nêu trên và theo văn bản hướng dẫn lập giá và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành.

Điều 9.- Nội dung thiết kế bản vẽ thi công:

1. Bản vẽ thi công:

- Chi tiết mặt bằng, mặt cắt của các hạng mục công trình, thể hiện đầy đủ vị trí và kích thước của các chi tiết kết cấu, thiết bị công nghệ, có biểu liệt kê khối lượng xây lắp và thiết bị của hạng mục công trình đó, chất lượng quy cách của từng loại vật liệu, cấu kiện điển hình được gia công sẵn, có thuyết minh hướng dẫn về trình tự thi công, các yêu cầu về kỹ thuật an toàn lao động trong thi công;

- Chi tiết cho các bộ phận công trình thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách và số lượng từng loại vật liệu, cấu kiện, có ghi chú cần thiết cho người thi công;

- Chi tiết về lắp đặt thiết bị công nghệ trong đó có thể hiện đầy đủ vị trí, kích thước, quy cách và số lượng của từng loại thiết bị, cấu kiện, linh kiện và vật liệu, những ghi chú cần thiết cho người thi công và hướng dẫn của nhà máy chế tạo thiết bị;
- Vị trí lắp đặt và chi tiết của các hệ thống kỹ thuật và công nghệ;
- Trang trí nội thất và ngoại thất chi tiết;
- Biểu tổng hợp khối lượng xây lắp, thiết bị, vật liệu của từng hạng mục công trình và toàn bộ công trình, thể hiện đầy đủ quy cách, số lượng của từng loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị.

2. Dự toán thiết kế bản vẽ thi công:

2.1. Các căn cứ và cơ sở để lập dự toán, có diễn giải tiên lượng, và các phụ lục cần thiết;

2.2. Bản tiên lượng - dự toán của từng hạng mục công trình và tổng hợp dự toán thiết kế bản vẽ thi công của tất cả các hạng mục công trình hoặc hạng mục thuộc tổ hợp từng đợt.

Điều 10.- Trường hợp thiết kế một bước: thiết kế kỹ thuật thi công nội dung bao gồm: phần thuyết minh và tổng dự toán theo các mục 1 và 3 của Điều 8; phần bản vẽ theo mục 1 của Điều 9.

Điều 11.- Hồ sơ thiết kế: hình thức thể hiện thuyết minh, tỷ lệ bản vẽ, quy cách thể hiện chi tiết từng loại bản vẽ phải phù hợp với tiêu chuẩn về quy định lập hồ sơ bản vẽ thiết kế.

1. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật bao gồm:

- Tập thuyết minh (theo Điều 8);
- Tập bản vẽ (theo Điều 8);
- Tập tiên lượng - tổng dự toán (theo Điều 8);
- Mô hình (khi cần thiết).

2. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của từng hạng mục công trình bao gồm:

- Tập bản vẽ (theo Điều 9);
- Tập tiên lượng - dự toán (theo Điều 9);

3. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công bao gồm:

- Tập bản vẽ của thiết kế bản vẽ thi công (theo Điều 9);
- Tập tiên lượng - dự toán (theo Điều 9);
- Tập thuyết minh thiết kế kỹ thuật kèm theo tổng dự toán (theo Điều 8).

4. Số lượng hồ sơ thiết kế và cơ quan nhận, quy định như sau:

4.1. Đối với thiết kế kỹ thuật: tổ chức thiết kế phải lập và giao cho chủ đầu tư 7 bộ có đủ nội dung như quy định tại Điều 8 để gửi đến:

- Cơ quan phê duyệt thiết kế;
- Chủ đầu tư (hai bộ);
- Cơ quan cấp phép xây dựng;
- Tổ chức nhận thầu xây lắp (hai bộ);
- Cơ quan lưu trữ theo phân cấp của nhà nước.

4.2. Đối với thiết kế kỹ thuật thi công: tổ chức thiết kế phải lập và giao cho chủ đầu tư 7 bộ có đủ nội dung quy định ở Điều 10 để gửi đến:

- Cơ quan duyệt thiết kế;
- Chủ đầu tư (hai bộ);
- Cơ quan cấp phép xây dựng;
- Tổ chức nhận thầu xây lắp (hai bộ);
- Cơ quan lưu trữ theo phân cấp của nhà nước.

4.3. Đối với thiết kế bản vẽ thi công: tổ chức thiết kế phải lập và giao cho chủ đầu tư 5 bộ có đủ nội dung quy định ở Điều 9 để gửi đến:

- Chủ đầu tư (hai bộ);
- Tổ chức nhận thầu xây lắp (ba bộ).